

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **04** /2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **07** tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 329/TTr-SNN ngày 30 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì tham mưu triển khai, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Y tế; Chỉ huy trưởng: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **20** /01/2022./.

Nơi nhận: *Nhu*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Chi cục Văn thư – Lưu trữ tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; Trung tâm TTCB tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Q-~~70~~b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Kèm theo Quyết định số **04** /2022/QĐ-UBND ngày **07** tháng **01** năm **2022**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như: Cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng; quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng; quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng; mức hỗ trợ cho người tham gia phòng cháy và chữa cháy rừng.

2. Những nội dung không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương II

CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG VÀ CÁC BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG; TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN CHÁY RỪNG

Điều 3. Cấp dự báo cháy rừng

1. Cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V; ký hiệu biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng là 1/2 hình tròn có đường kính vành ngoài 2,5m; vành trong 1,8m, chiều cao 1,6m, nền trắng, xung quanh viền màu đỏ có mũi tên quay chỉ cấp dự báo từ cấp I đến cấp V, trong đó:

- a) Cấp I: Cấp thấp, ít có khả năng cháy rừng;
- b) Cấp II: Cấp trung bình, có khả năng cháy rừng;
- c) Cấp III: Cấp cao, thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng;
- d) Cấp IV: Cấp nguy hiểm, thời tiết khô hanh, hạn kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh;

e) Cấp V: Cấp cực kỳ nguy hiểm, thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng.

2. Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, đặc trưng cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy rừng thực hiện theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Điều 4. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ tiêu P và H

Bảng tra cấp dự báo cháy rừng tỉnh Đắk Lắk					
Cấp Dự báo cháy rừng	I	II	III	IV	V
Chỉ tiêu P	0 - 5.000	5.001 - 10.000	10.001 - 15.000	15.001 - 20.000	> 20.000
Tháng	Chỉ tiêu H (ngày)				
11	01-13	14-27	28-41	42-55	>56
12	01-14	15-28	29-42	43-56	>57
01	01-12	13-26	27-40	41-54	>55
02	01-09	10-19	20-29	30-39	>40
03	01-07	08-17	18-25	26-33	>34
04	01-06	07-13	14-21	22-28	>29
Theo ẩm độ vật liệu cháy (%)	35-25	20-25	15-20	10-15	<10

2. Phương pháp sử dụng bảng tra cấp dự báo cháy rừng

Sử dụng một trong hai phương pháp sau đây:

a) Phương pháp áp dụng chỉ số P là chỉ tiêu tổng hợp về khả năng xuất hiện cháy rừng. Chỉ tiêu P được tính theo công thức:

$$P_i = K * \sum_{i=1}^n T_{13}^0 * D_{n13}$$

Trong đó:

P_i là chỉ tiêu tổng hợp P của ngày thứ i;

K: Hệ số điều chỉnh theo lượng mưa ngày i

Nếu $k = 0$ khi lượng mưa trong ngày thứ i lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày;

Nếu $k = 1$ khi lượng mưa trong ngày thứ i nhỏ hơn 5 mm/ngày;

T_{13}^0 : Nhiệt độ không khí lúc 13h ngày thứ i ($^{\circ}\text{C}$), giờ cao điểm dễ xảy ra cháy rừng trong ngày;

D_{n13} : Độ chênh lệch bão hòa lúc 13h ngày thứ i (mb).

b) Phương pháp áp dụng chỉ số H là chỉ số ngày khô hạn liên tục không mưa hoặc mưa có lượng mưa dưới 5 mm/ngày. Chỉ tiêu H được tính theo công thức:

$$H_i = k*(H_{i-1} + 1)$$

Trong đó:

H_i là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến ngày thứ i (tính từ sau ngày có mưa lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày gần nhất), theo đó $H_i = i$;

H_{i-1} là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến ngày thứ $i-1$ (tính từ sau ngày có mưa lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày gần nhất), theo đó, $H_{i-1} = i-1$;

k là hệ số điều chỉnh

Nếu $k = 0$ khi lượng mưa trong ngày thứ i lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày;

Nếu $k = 1$ khi lượng mưa trong ngày thứ i nhỏ hơn 5 mm/ngày.

Điều 5. Thông tin cấp dự báo cháy rừng

1. Lực lượng Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xác định cấp dự báo cháy rừng, thông tin hàng ngày trên Cổng thông tin điện tử của Chi cục Kiểm lâm và cung cấp thông tin cho Cổng thông tin điện tử tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng khác để đưa, phát bản tin liên tục trong ngày khi cấp dự báo cháy rừng đạt cấp IV và cấp V.

2. Cơ quan truyền thông cấp huyện phối hợp với hạt Kiểm lâm tổ chức cung cấp thông tin cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng kịp thời liên tục trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh và địa phương khi cấp dự báo cháy rừng đạt cấp IV và cấp V.

3. Hạt Kiểm lâm và kiểm lâm địa bàn thông tin cấp dự báo cháy rừng đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn có rừng và các chủ rừng để kịp thời triển khai các hoạt động sẵn sàng ứng phó sự cố cháy rừng. Khi dự báo cháy rừng từ cấp IV trở lên, hệ thống loa phát thanh cấp xã phải thông tin, cảnh báo liên tục để người dân được biết, chủ động các biện pháp phòng ngừa.

Điều 6. Trách nhiệm thông báo cháy rừng

1. Người phát hiện cháy rừng phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh và cho một hoặc các đơn vị sau đây:

a) Chủ rừng có rừng bị cháy;

b) Đội phòng cháy và chữa cháy rừng nơi gần nhất;

c) Hạt Kiểm lâm sở tại hoặc Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ nơi gần nhất;

d) Chính quyền địa phương cấp xã hoặc cơ quan Công an, Quân đội nơi gần nhất.

2. Nội dung thông báo cháy gồm:

- a) Thời gian, địa điểm cháy;
- b) Loại rừng, loài cây bị cháy;
- c) Diễn biến và quy mô đám cháy;
- d) Nhận định các tình huống khẩn cấp;
- đ) Công tác tổ chức chữa cháy rừng.

3. Hình thức thông báo cháy gồm:

- a) Văn bản;
- b) Điện thoại, tin nhắn, thư điện tử;
- c) Phần mềm báo cáo nhanh của lực lượng kiểm lâm hoặc bằng các phương tiện thông tin khác nhanh nhất có thể.

Điều 7. Tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng

1. Nguyên tắc tiếp nhận, xử lý thông tin: Thông tin về nguy cơ và cháy rừng phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho Chính quyền địa phương và cơ quan chuyên trách về phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Tiếp nhận thông tin

a) Người được huy động trực thông tin cháy rừng quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bao gồm: theo dõi thông tin cấp dự báo cháy rừng, thông tin các điểm cháy để thông báo cho kiểm lâm địa bàn hoặc lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách kiểm tra, xác minh; tiếp nhận thông tin về công tác phòng cháy và chữa cháy rừng và thông tin báo cáo cháy rừng của người dân).

b) Người trực thông tin của đơn vị khi tiếp nhận tin báo cháy phải hỏi rõ các thông tin sau:

- Họ, tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người báo cháy;
- Địa điểm, thời gian xảy ra cháy;
- Những thông tin về đám cháy, cụ thể: Quy mô, diện tích đám cháy, loại rừng cháy, nguy cơ cháy lan, hoạt động chữa cháy của lực lượng tại chỗ và những thông tin khác liên quan đến đám cháy.

c) Sau khi nhận được thông tin cháy rừng, người trực thông tin phải ghi vào sổ tiếp nhận thông tin báo cháy; đồng thời báo cáo ngay thông tin đã tiếp nhận theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

3. Xử lý thông tin

Cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 6 Quy định này khi nhận được tin báo về cháy rừng xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác biết để chi viện chữa cháy; trường hợp cháy rừng xảy ra ngoài địa bàn được phân công quản lý thì sau khi nhận được tin báo cháy phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý và tham gia chữa cháy rừng theo nguyên tắc sau:

a) Kiểm lâm địa bàn báo cáo với Hạt Kiểm lâm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hạt Kiểm lâm cấp huyện báo cáo với Chi cục Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời thông tin cho Công an cấp huyện;

c) Chi cục Kiểm lâm báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời thông tin cho Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

d) Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ báo cáo với Công an huyện, đồng thời thông tin cho Hạt Kiểm lâm cấp huyện;

đ) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ báo cáo với Công an tỉnh đồng thời thông tin cho Chi cục Kiểm lâm.

4. Chi cục Kiểm lâm thiết lập, thông báo số điện thoại đường dây nóng để người dân, cơ quan chức năng phản ánh thông tin về cháy rừng nhằm kịp thời xử lý.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ VÀ KINH PHÍ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 8. Trách nhiệm chữa cháy rừng

1. Chữa cháy rừng là trách nhiệm của toàn dân.

2. Chủ rừng, Đội phòng cháy, chữa cháy rừng nơi gần nhất, các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Chính quyền địa phương sở tại, cơ quan liên quan có nhiệm vụ chữa cháy, tham gia chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

3. Người có mặt tại nơi xảy ra cháy rừng phải tìm mọi biện pháp để ngăn chặn cháy lan và dập tắt đám cháy; người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy.

4. Người dân sinh sống trong rừng, ven rừng tuân thủ nghiêm ngặt quy định sử dụng lửa trong sản xuất, canh tác, đốt xử lý thực bì trên nương rẫy; cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; tham gia chữa cháy rừng khi được điều động.

Điều 9. Lực lượng chữa cháy rừng các cấp

1. Lực lượng chữa cháy rừng cấp tỉnh

Khi có cháy rừng lớn hoặc nguy cơ cháy lớn; cháy rừng vùng giáp ranh giữa các huyện; vùng giáp ranh với tỉnh khác, lực lượng chữa cháy rừng cấp tỉnh quy định như sau:

a) Lực lượng chính gồm: Lực lượng Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ); Chi cục Kiểm lâm tỉnh (Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng); Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;

b) Lực lượng phối hợp gồm: Các đơn vị Quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng, Quân khu 5 đóng quân trên địa bàn; lực lượng các phòng ban thuộc Công an tỉnh; lực lượng địa phương nơi xảy ra cháy rừng.

2. Lực lượng chữa cháy rừng cấp huyện

Khi có cháy rừng lớn, hoặc nguy cơ cháy lớn; cháy rừng vùng giáp ranh giữa các xã; vùng giáp ranh với huyện khác, lực lượng chữa cháy rừng cấp huyện quy định như sau:

a) Lực lượng chính gồm: Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an huyện; Hạt Kiểm lâm cấp huyện; Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện.

b) Lực lượng phối hợp gồm: Các đơn vị Quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng, Quân khu 5 đóng quân trên địa bàn huyện; các Đồn Biên phòng đóng quân trên địa bàn các huyện biên giới; lực lượng các phòng ban thuộc Công an cấp huyện; lực lượng địa phương nơi xảy ra cháy rừng và địa phương lân cận.

3. Lực lượng chữa cháy rừng cấp xã

a) Lực lượng chính gồm: Kiểm lâm địa bàn; Dân quân tự vệ; Công an cấp xã.

b) Lực lượng phối hợp gồm: Lực lượng dân phòng, tổ đội bảo vệ rừng; lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, buôn, bản, tổ dân phố.

4. Lực lượng chữa cháy rừng của chủ rừng

a) Lực lượng chính gồm: Lực lượng của chủ rừng có rừng bị cháy.

b) Lực lượng phối hợp gồm: Các chủ rừng khác khi được huy động.

Điều 10. Huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng

1. Người chỉ huy chữa cháy rừng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 37 Luật Phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

2. Trường hợp cháy rừng vượt quá khả năng kiểm soát theo từng đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng như sau:

a) Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao người đứng đầu cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của các lực lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát, hoặc đám cháy quy mô không lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, sự an toàn của các công trình quan trọng, các công trình, vật kiến trúc có nguy cơ gây cháy nổ lớn, người đứng đầu cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng.

3. Trách nhiệm phối hợp

a) Khi nhận được yêu cầu tham gia chữa cháy rừng, Thủ trưởng các đơn vị, lực lượng chữa cháy rừng quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị, hậu cần thuộc quản lý của đơn vị để tham gia chữa cháy rừng;

b) Lực lượng Công an, lực lượng Dân quân tự vệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khoanh vùng, chốt chặn, điều tiết giao thông, giữ gìn trật tự, bảo vệ khu vực xảy ra cháy rừng, ngăn không cho người không có nhiệm vụ liên quan trong chữa cháy rừng tiếp cận hiện trường để tổ chức truy tìm, bắt giữ đối tượng gây cháy rừng (nếu có) và tham gia hỗ trợ lực lượng chữa cháy rừng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy;

c) Sở Y tế, Phòng Y tế cấp huyện, thành phố khi nhận được đề nghị hỗ trợ y tế, cấp cứu người bị nạn trong chữa cháy rừng, phải kịp thời bố trí xe cấp cứu và lực lượng y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cứu chữa người bị nạn;

d) Các cơ quan điện lực, cấp nước và các cơ quan liên quan khi nhận được yêu cầu của người chỉ huy chữa cháy rừng phải nhanh chóng điều động người và phương tiện đến nơi xảy ra cháy để phục vụ chữa cháy rừng.

Điều 11. Kinh phí hỗ trợ cho người tham gia trực cháy và chữa cháy rừng

1. Mức chi cho người hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện theo khoản 1 Điều 16 Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

2. Mức chi cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện theo khoản 2 Điều 16 Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy rừng theo lệnh triệu tập, huy động của người có thẩm quyền hoặc tự nguyện tham gia chữa cháy rừng mà không phải là lực lượng của chủ rừng được hưởng chế độ theo quy định như sau:

a) Mức chi được hưởng trợ cấp ngày công lao động (như đối với lao động phổ thông) bằng 0,1 lần mức lương cơ sở; nếu tham gia chữa cháy rừng từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau được tính gấp đôi (0,2 lần).

b) Khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được cấp huy động bố trí nơi ăn, nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về theo quy định chế độ công tác của Bộ Tài chính; được hỗ trợ tiền ăn theo mức 50.000 đồng/ngày.

3. Cấp nào huy động thì cấp đó đảm bảo chi trả kinh phí.

4. Các chủ rừng không thụ hưởng ngân sách nhà nước tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định pháp luật. Trường hợp cháy rừng xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn đến tài sản và tính mạng của nhân dân, vượt quá khả năng về tài chính của đơn vị chủ rừng, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc hỗ trợ kinh phí.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền các cấp tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định;

b) Chủ trì, kiểm tra việc chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng và các hoạt động liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng;

d) Phối hợp với ngành, địa phương thông báo cấp dự báo cháy rừng trên các phương tiện truyền thông trong các tháng mùa khô trên địa bàn tỉnh;

đ) Theo dõi, quản lý hoạt động của các đơn vị phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng cho các lực lượng liên quan;

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm, đơn vị Quân đội, UBND các cấp và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với hành vi gây cháy rừng; xác định nguyên nhân các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng có dấu hiệu tội phạm; định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan Kiểm lâm thông tin về tình hình tội phạm và kết quả điều tra, xử lý các vụ án;

d) Phối hợp cơ quan Kiểm lâm tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ điều tra hình sự cho công chức Kiểm lâm làm công tác điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ nâng cao nhận thức, nắm vững và chấp hành nghiêm quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng;

b) Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng tham gia tuần tra và sẵn sàng ứng cứu khi có cháy rừng xảy ra theo lệnh huy động; phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, Công an và chính quyền địa phương tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bố trí phương tiện cấp cứu và lực lượng y tế khi nhận được đề nghị hỗ trợ y tế, cấp cứu người bị nạn trong chữa cháy rừng.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kinh phí phục vụ cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng, đảm bảo quy định của pháp luật và khả năng ngân sách của địa phương.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm

a) Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có rừng triển khai thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật; xây dựng Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý;

b) Thành lập, ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện;

c) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định pháp luật;

d) Chỉ đạo tuyên truyền giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng cho nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng;

đ) Đầu tư ngân sách cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng cho chính quyền cấp xã, phường, thị trấn nơi có rừng;

e) Trực tiếp chỉ đạo và huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn;

f) Chỉ đạo tổ chức chữa cháy rừng, điều tra nguyên nhân gây cháy rừng và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./.